

Đọc sách:

Một số vấn đề xã hội học trong xây dựng quân đội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân*

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của Xã hội học ở nước ta trong những năm gần đây, chuyên ngành Xã hội học quân sự cũng đã có những bước tiến khởi sắc. Bộ môn Xã hội học và cán bộ nghiên cứu và giảng dạy về xã hội học quân sự đã được xây dựng ở một số học viện và cơ quan của Bộ Quốc phòng; một số nghiên cứu về xã hội học quân sự đã được triển khai và bước đầu gặt hái được những kết quả đáng khích lệ. Cuốn: “Một số vấn đề xã hội học trong xây dựng quân đội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân” của Đại tá, PGS.TS. Phạm Xuân Hào được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân phát hành năm 2005 là một trong những cố gắng đáng ghi nhận đó.

Nghiên cứu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng quân đội về chính trị trong quá trình biến đổi kinh tế - xã hội của đất nước là một nội dung mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn, là nhiệm vụ quan trọng của khoa học xã hội và nhân văn quân sự. Phân tích xã hội học những biến đổi kinh tế - xã hội và tác động của nó đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng quân đội về chính trị là một trong những hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn quân sự.

Cuốn sách dày 158 trang gồm ba chương. Chương 1: “Xây dựng quân đội về chính trị trong quá trình biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta hiện nay”; chương 2: “Xây dựng quân đội về chính trị trong sự phân hóa giàu nghèo ở nước ta hiện nay” và chương 3: “Biến đổi xã hội và công tác quốc phòng, quân sự”.

Chương 1 của cuốn sách đã mô tả cơ cấu đội ngũ sĩ quan trong quân đội hiện nay (trang 16 - 26); từ đó có được những nhận định là cơ sở khoa học cho việc xác định các quan điểm cơ bản xây dựng quân đội về chính trị trong sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp (trang 27 - 40).

Chương 2 “Xây dựng quân đội về chính trị trong sự phân hóa giàu nghèo ở nước ta hiện nay” (trang 41 - 91) đã phân tích khá sâu sắc sự phân hóa giàu nghèo trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay; chỉ ra những tác động của xu thế phân hóa giàu nghèo đến lĩnh vực xây dựng quân đội về chính trị hiện nay.

Chương 3 của cuốn sách (trang 92 - 157) đã tập trung phân tích mối quan hệ và những tác động của biến đổi xã hội và công tác quân sự. Trên cơ sở đó, tác giả kiến nghị những quan điểm cơ bản về xây dựng quân đội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân hiện nay.

* Phạm Xuân Hào: *Một số vấn đề Xã hội học trong xây dựng quân đội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân*. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội - 2005.

Quân đội là một yếu tố cấu thành hệ thống xã hội Việt Nam, chịu sự chi phối tác động của các quy luật phát triển và những biến đổi kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay. Điều đó đặt ra những nội dung mới, những yêu cầu mới cho quá trình xây dựng quân đội về chính trị và xây dựng nền quốc phòng toàn dân nói chung. Thực tế đó cũng đặt ra cho công tác tư tưởng, lý luận quân sự nhiều vấn đề cần làm sáng tỏ để góp phần xây dựng quân đội theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại hóa; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Cuốn sách của PGS.TS Phạm Xuân Hào đã mở ra một hướng tiếp cận khoa học mới để phân tích vấn đề phân tầng giàu nghèo cũng như những tác động của nó đến việc xây dựng quân đội về chính trị hiện nay. Tất nhiên, ngoài vấn đề phân hóa giàu nghèo, việc phân tích và đánh giá những khía cạnh quan trọng khác của biến đổi kinh tế - xã hội hiện nay ở nước ta chi phối và tác động đến việc xây dựng quân đội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân là nhiệm vụ cấp thiết và cần được tiếp tục của những nghiên cứu về xã hội học quân sự tiếp theo.

Với cách tiếp cận mới và những tổng kết có tính phát hiện qua phân tích xã hội học về xây dựng quân đội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong thời kỳ mới hiện nay, cuốn sách là một đóng góp đáng ghi nhận trong sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn quân sự và là một tài liệu bổ ích, trước hết cho cán bộ và học viên bộ môn xã hội học quân sự cũng như những người quan tâm đến lĩnh vực khoa học còn khá mới mẻ này.

X.T

Xã hội học dân số*

Cuốn sách này là một trong những sản phẩm của dự án: "Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu xã hội học" với sự tài trợ của Quỹ Ford tại Việt Nam, do Viện Xã hội học triển khai thực hiện nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để các nhà xã hội học biên soạn những cuốn sách công cụ dùng cho đào tạo Sau đại học một số chuyên ngành xã hội học như *Xã hội học nông thôn*, *Xã hội học đô thị*, *Xã hội học văn hóa*...

* Đặng Nguyên Anh: *Xã hội học dân số*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội - 2007. 244 trang.

Trong Chương *Nhập môn xã hội học dân số*, PGS.TS Đặng Nguyên Anh - tác giả cuốn sách, đã đưa ra nhận xét: “So với các ngành xã hội học chuyên biệt khác, sự ra đời và sự phát triển của xã hội học dân số tương đối muộn hơn. Từ thế kỷ XX, những công trình nghiên cứu về các quá trình dân số theo hướng tiếp cận của xã hội học đã đặt nền móng ra đời cho ngành học này” (tr. 9) và tác giả nêu những công trình kinh điển của giới học giả quốc tế xung quanh các chủ đề của xã hội học dân số như *"Cấu trúc xã hội và mức sinh"* (Kingsley Davis, 1956) *"Hướng tới việc xét lại lý thuyết quá độ dân số"* (Kingsley Davis, 1976), *"Những con đường dẫn đến tử vong thấp ở các nước nghèo"* (John Caldwell, 1986) *"Khung lý thuyết phân tích những yếu tố trung gian quyết định mức sinh"* (John Bongaarts, 1978) *"Quyết định di dân"* (DeJong & Gardner, 1981) và một số công trình nổi tiếng khác ra đời trong thập niên vừa qua.

Từ những phân tích lý luận và kết quả nghiên cứu thực tiễn, tác giả đã nêu những nhận xét, đánh giá: “Đến nay, xã hội học dân số ở Việt Nam mới chỉ trong giai đoạn hình thành và phát triển bước đầu của một chuyên ngành. Nếu như dân số học được giới thiệu và phát triển từ thập niên 80 thì xã hội học dân số với tư cách là một chuyên ngành riêng chỉ mới từ giữa những năm 90, song song với quá trình nâng cao năng lực nghiên cứu và đào tạo xã hội học nói chung ở Việt Nam” (tr. 39).

Nhận định về sự phát triển của xã hội học dân số ở nước ta, một học giả lớn quốc tế đã có nhận xét: “Việt Nam còn thiếu rất nhiều điều kiện đầu vào”, đó chính là vấn đề hoàn thiện nội dung và phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành này. Nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong lĩnh vực xã hội học dân số vẫn hết sức lớn. Tình hình phát triển hiện nay của chuyên ngành xã hội học dân số còn phản ánh những hạn chế về đầu tư nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu, đào tạo về xã hội học dân số ở Việt Nam.

Tác giả cho rằng: mối liên hệ giữa xã hội học dân số và các chuyên ngành khoa học xã hội học khác cần tiếp tục được làm sáng tỏ về lý luận và thực tiễn. Xã hội học dân số ở Việt Nam cần được mở rộng hướng tới cách tiếp cận liên ngành về chủ đề và phương pháp nghiên cứu, góp phần kế thừa và phát huy các thành tựu nghiên cứu. Có thể nói, đòi hỏi này trở thành những thách thức và cơ hội cho công tác nghiên cứu xã hội học dân số ở nước ta. Vận hội để phát triển trong khung cảnh xã hội học và khoa học xã hội ở Việt Nam đang có điều kiện phát huy mạnh mẽ vai trò của mình, trong khi thách thức cũng nằm ngay trong khung cảnh đó, khi mà những đòi hỏi cấp bách cho xã hội học dân số được đặt ra từng ngày. Khả năng nghiên cứu chuyên sâu của chuyên ngành này sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc vận dụng các lý thuyết cơ bản và phương pháp kỹ thuật tiên tiến, kỹ năng phân tích chuyên sâu của xã hội học và dân số học.

Những nội dung nghiên cứu của xã hội học dân số cần thiết để đáp ứng những đòi hỏi thực tiễn sinh động trong quá trình hội nhập của đất nước cũng được tác giả nêu rõ: những vấn đề như di cư lao động quốc tế, hôn nhân xuyên quốc gia, mô hình tử vong, tình trạng vô sinh... Điều này còn đồng nghĩa với sự thiếu gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn nhằm nâng cao tri thức và tầm hiểu biết về các hành vi dân số vượt quá vấn đề sinh đẻ, kế hoạch hóa gia đình. Trong việc hoạch định chính sách phát triển của quốc gia, thách thức trên được thấy ngay ở thực tế các kết quả nghiên cứu có giá trị thực tiễn hay không và có được sử dụng cho việc xây dựng các chính sách dân số và phát triển hay không. Việc trả lời được câu hỏi này sẽ tùy thuộc nhiều vào sự đầu tư và quan tâm cần thiết đối với xã hội học dân số hôm nay (tr. 40, 41).

“Nhìn lại một chặng đường hơn 40 năm của chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, có thể nhận thấy rằng chính sách dân số của Việt Nam đã góp phần quan trọng vào việc hạn chế tốc độ gia tăng dân số, duy trì được quy mô gia đình nhỏ, đồng thời nâng cao được chất lượng cuộc sống của người dân. Phát triển dân số tiếp tục là vấn đề ưu tiên trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đòi hỏi những chính sách phù hợp và sự đầu tư tương xứng, đặc biệt trong vấn đề đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết việc làm. Về lâu dài, các quá trình dân số cần luôn được lồng ghép trong các kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo cân bằng giữa dân số, tài nguyên, môi trường, kết cấu hạ tầng và phát triển bền vững của đất nước” (tr. 235).

Cuốn sách bao gồm bảy chương và danh mục Tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh. Chương *Nhập môn xã hội học dân số*, tác giả phân tích về *Dân số học và xã hội học dân số*; *Các nguồn số liệu của xã hội học dân số*; *Phương pháp nghiên cứu xã hội học dân số* và *Xã hội học dân số ở Việt Nam*.

Chương II: *Các quá trình dân số trên thế giới và ở Việt Nam*, tác giả trình bày về *Lịch sử phát triển và đặc trưng dân số thế giới*; *Cơ cấu dân số thế giới*; *Sự phát triển của dân số Việt Nam* và *Đặc điểm dân số Việt Nam*.

Sinh đẻ và tử vong được tác giả phân tích trong Chương III về *Mức sinh và những yếu tố quyết định*; *Những chiều cạnh xã hội của sinh đẻ*; *Đặc trưng và nguyên nhân tử vong*; *Những chiều cạnh xã hội của tử vong* và dự báo *Xu hướng cải thiện tử vong trong tương lai*. Chương IV: *Di dân và đô thị hóa*, phân tích nguyên nhân, dự báo xu hướng ảnh hưởng, định hướng di dân và đô thị hóa: *Di dân và di chuyển dân số*; *Lý giải nguyên nhân di dân*; *Xu hướng và ảnh hưởng xã hội của di dân*; *Các đặc trưng đô thị hóa*; *Định hướng di dân và đô thị hóa ở Việt Nam*.

Chương V, về *Chính sách dân số*, tác giả phân tích *Khái niệm chính sách dân số*; *Chính sách dân số về sinh đẻ*; *Chính sách dân số tác động đến tử vong*; *Chính sách di dân*; *Chính sách dân số và các chính sách kinh tế - xã hội*; *Chính sách dân số ở Việt Nam*.

Cuốn sách này là kết quả của những nghiên cứu xã hội học dân số trong và ngoài nước, những bài giảng trên lớp cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Viện Xã hội học, các khoa Xã hội học của nhiều Trường Đại học trong cả nước, từ nhiều năm của tác giả.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc *Xã hội học dân số* và rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp bổ khuyết trong quá trình sử dụng, để cuốn sách có thể được hoàn thiện hơn nữa trong những lần tái bản sau.

hoàng dũng

Trên giá sách của nhà Xã hội học

Tạp chí Xã hội học đã nhận được sách của các nhà xuất bản, các tác giả sau đây gửi tặng. Cảm ơn các nhà xuất bản, các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Tạp chí xã hội học

1. **Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X**. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2006. 51 trang.
2. Hồ Chí Minh: **Về công tác giáo dục lý luận chính trị**. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2006. 423 trang.
3. Phạm Đức Thành - Trần Khánh (chủ biên): **Việt Nam trong ASEAN nhìn lại và hướng tới**. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội - 2006. 459 trang.

4. Điều tra di cư Việt Nam năm 2004: **Chất lượng cuộc sống của người di cư ở Việt Nam**. Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc. Hà Nội - 2006. 149 trang.
5. Điều tra di cư Việt Nam năm 2004: **Di cư trong nước và mối liên hệ với các sự kiện của cuộc sống**. Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc. Hà Nội - 2006. 101 trang.
6. Điều tra di cư Việt Nam năm 2004: **Di dân và sức khỏe**. Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc. Hà Nội - 2006. 167 trang.
7. Tổng cục thống kê, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương: **Điều tra mẫu các chỉ tiêu dân số và AIDS 2005**. Nxb Thống kê. Hà Nội - 2006. 169 trang.
8. Đặng Phương Kiệt (chủ biên): **Gia đình Việt Nam - Các giá trị truyền thống và những vấn đề tâm bệnh lý xã hội**. Nxb Lao động. Hà Nội - 2006. 640 trang.
9. Saxe Commins, Robert N. Linscott: **Mối quan hệ giữa người với người. Những triết gia xã hội học**. Nxb Văn hóa - Thông tin. Hà Nội - 2005. 639 trang.
10. Nguyễn Thế Long: **Truyền thống gia đình và bản sắc dân tộc Việt Nam**. Nxb Văn hóa - Thông tin. Hà Nội - 2006. 158 trang.
11. Lê Hồng Phúc: **Bản về đào tạo tiến sĩ ở Việt Nam**. NXb Văn hóa - Thông tin. Hà Nội - 2006. 369 trang.
12. Nguyễn Thanh Tuấn: **Biến đổi văn hóa đô thị Việt Nam hiện nay**. Nxb Văn hóa - Thông tin. Hà Nội - 2006. 279 trang.
13. Chương trình khoa học - công nghệ cấp Nhà nước KX.05, Đề tài KX.05.02, Phan Hồng Giang (chủ biên): **Đời sống văn hóa ở nông thôn đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long**. Nxb Văn hóa - Thông tin. Hà Nội - 2006. 390 trang.
14. **Phát triển giáo dục - đào tạo trong giai đoạn hiện nay và một số chính sách quy định mới đối với nhà giáo**. Nxb Lao động xã hội. Hà Nội - 2006. 446 trang.
15. Đặng Quốc Bảo, Trương Thị Thúy Hằng (chủ biên): **Chỉ số tuổi thọ trong HDI. Một số vấn đề thực tiễn Việt Nam**. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2005. 175 trang.
16. Đặng Nguyên Anh: **Chính sách di dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi**. Nxb Thế giới. Hà Nội - 2006. 248 trang.
17. **Báo cáo phát triển thế giới 2006: Công bằng và phát triển**. Nxb Văn hóa - Thông tin. Hà Nội - 2005. 442 trang.
18. **Động thái và thực trạng kinh tế xã hội 2001 - 2005**. Nxb Thống kê. Hà Nội - 2006. 300 trang.
19. Viện Dân tộc học: **Giải pháp cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số**. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2006. 278 trang.
20. Phan Thanh Khôi, Lương Xuân Hiến (chủ biên): **Một số vấn đề kinh tế - xã hội trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng đồng bằng sông Hồng**. Nxb Lý luận chính trị. Hà Nội - 2006. 279 trang.

*** giới thiệu luận án tiến sĩ xã hội học**

Tờn luận ỏn: *Xu hướng biến đổi vị thế của nữ công nhân công nghiệp thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước (Nghiên cứu trường hợp Hà Nội)*

Người thực hiện: Bụi Thị Thanh Hà

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS.TS Trịnh Duy Luổn
2. TS Nguyễn Xuổn Mai

Mục đích nghiên cứu

Mục đích chính của luận án Xu hướng biến đổi vị thế của nữ công nhân công nghiệp thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước (Nghiên cứu trường hợp Hà Nội) là nhằm góp phần tạo ra cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc điều chỉnh những chính sách giới nhằm nâng cao vị thế của nữ cụng nhũn cụng nghiệp trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Nhiệm vụ nghiên cứu

- Mô tả và phân tích thực trạng vị thế và xu hướng biến đổi vị thế của NCNCN trong các DNNN thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Thực trạng này được phản ánh qua các tiêu chí khác nhau như: tính chất ngành nghề, nhóm ngành, độ tuổi, trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật, thâm niên nghề nghiệp, lao động nhập cư/ lao động tại chỗ...

- Chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến thực trạng và xu thế biến đổi vị thế đó.

- Phân tích các nhân tố tác động tới sự gia tăng vị thế của NCNCN trong quá trình CNH, HĐH.

- Dự báo các xu hướng biến đổi vị thế NCNCN trong thời gian tới.

- Kết luận và khuyến nghị nhằm nâng cao vị thế của NCNCN.

Phạm vi nghiên cứu

Luận án giới hạn nghiên cứu tại một số DNNN thuộc lĩnh vực công nghiệp ở Hà Nội. Mô tả thực trạng và xu hướng biến đổi vị thế của NCNCN trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH tại Hà Nội.

Cơ sở lý luận và Phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: Luận án lấy quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở lý luận, phương pháp luận nghiên cứu, đặc biệt là quan điểm Mác xít về nhân tố con người trong phát triển. Trong quá trình biến đổi kinh tế - xã hội, “nữ cụng nhũn” được xem như là một nhóm xã hội đặc thù trong công nghiệp. Luận án áp dụng các lý thuyết xã hội học về cơ cấu xã hội, về con người và xã hội, lý thuyết về biến đổi và phát triển kinh tế - xã hội với nền tảng là lý thuyết vị thế xã hội. Lý thuyết xã hội học về giới được sử dụng để phân tích các chiều cạnh của vấn đề thực trạng vị thế, xu hướng biến đổi vị thế và các yếu tố tác động tới vị thế của nữ công nhân.

- Phương pháp nghiên cứu: Tác giả luận án phân tích tài liệu có sẵn liên quan đến đề tài. Điều tra xã hội học dựa trên phỏng vấn cấu trúc. Phương pháp định lượng được sử dụng như là phương pháp thu thập thông tin chủ yếu. Phương pháp nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu các nhân, nhóm công nhân, người sử dụng lao động trong doanh nghiệp) nhằm giải thích cho các

biến số định lượng. Đồng thời kết hợp phương pháp tiếp cận liên ngành đối với nghiên cứu vấn đề lao động và việc làm ở nước ta hiện nay.

Vấn đề và giả thuyết nghiên cứu

- Vấn đề nghiên cứu

Trong điều kiện, hoàn cảnh mới, những đặc trưng vị thế của nữ công nhân là gì và xu hướng biến đổi vị thế ra sao? Những nhân tố nào tác động lên vị thế đó? Có mối liên hệ nào hoặc tác động qua lại giữa chính sách xã hội của lao động nữ với vị thế của họ không?

- Giả thuyết nghiên cứu

1. Vị thế của NCNCN được xác định bởi các đặc trưng: thu nhập, vị trí trong quá trình sản xuất, uy tín trong tập thể lao động, di động xã hội, nghề nghiệp...

2. Các yếu tố kinh tế, xã hội như: những biến đổi của cơ cấu kinh tế, thị trường lao động, thể chế, tổ chức xã hội... có ảnh hưởng tổng hợp đến sự thay đổi vị thế của NCNCN.

3. Vị thế có xu hướng gia tăng theo thời gian nhưng không đồng đều, khác nhau theo các tiêu chí: loại hình DN, lĩnh vực sản xuất, giữa các ngành nghề, độ tuổi.

Kết cấu của luận án

Luận án gồm 03 phần chính:

Phần 1: Mở đầu

Giới thiệu khái quát về đề tài nghiên cứu

Phần 2: Nội dung

Nội dung luận án gồm các chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và phương pháp luận của vấn đề nghiên cứu

1. Các khái niệm chung
2. Một số lý thuyết được vận dụng trong luận án

Chương 2: Vị thế của nữ công nhân công nghiệp trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá

- 2.1. Bối cảnh kinh tế xã hội
- 2.2. Đặc điểm nữ công nhân công nghiệp
- 2.3. Những biểu hiện cụ thể về vị thế của nữ công nhân

Chương 3: Xu hướng biến đổi vị thế nữ công nhân công nghiệp và những dự báo

- 3.1. Xu hướng biến đổi vị thế
- 3.2. Dự báo thực trạng nữ công nhân công nghiệp

Phần 3: Kết luận

- 3.1. Kết luận
- 3.2. Khuyến nghị

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước vào ngày 13 tháng 12 năm 2007.

*** Giới thiệu luận văn thạc sĩ xã hội học**

Tên luận văn: *Dur luận xó hội của nạn nhõn chất độc màu da cam (Nghiên cứu trường hợp tại các tỉnh Thái Bõnh và Quảng Trị)*

Người thực hiện: Nguyễn Thị Thanh Hương

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Mai Quỳnh Nam

Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu Dur luận xó hội của nạn nhõn chất độc màu da cam nhằm tõm hiểu sự đánh giá xó hội về cõc điều kiện sống vật chất và tinh thần của nạn nhõn chất độc màu da cam, tõm hiểu cõc nhu cầu và đề xuất chính sách để cải thiện điều kiện sống đối với họ.

Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rừ cõc khõi niệm: Dur luận xó hội, khõch thể và chủ thể của dur luận xó hội, cõc chức năng của dur luận xó hội, truyền thụng và truyền thụng đại chúng.
- Nghiên cứu thực trạng đời sống của các nạn nhõn chất độc màu da cam hiện nay.
- Nhận thức các nhu cầu của các nạn nhõn chất độc màu da cam.
- Đề xuất chính sách và các phương hướng trợ giúp.

Phạm vi nghiên cứu

Luận văn này tập trung nghiên cứu trong phạm vi hai tỉnh: Quảng Trị và Thái Bõnh. Đây là hai trong số các tỉnh có số lượng lớn các nạn nhõn bị nhiễm chất độc màu da cam của Mỹ, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này được thực hiện thông qua việc thu thập thông tin từ những người bị nhiễm chất độc màu da cam và gia đõnh họ, cõc cõn bộ lõnh đạo xó, thụng, cõn bộ đõn thể các cấp, hội Cựu chiến binh và cán bộ thuộc các ngành có liên quan đến công tác chăm sóc và hỗ trợ cho các nạn nhõn chất độc màu da cam.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp thu thập thông tin, được thực hiện từ cõc nguồn dữ liệu sau:

1. Kết quả khảo sát của đề tài nghiên cứu: Điều tra, đánh giá tư tưởng, tâm lý, tõnh cảm của nạn nhõn bị chất độc màu da cam ở ba tỉnh Thái Bõnh, Quảng Trị và Quảng Nam do Tạp chí Xó hội học tiến hành năm 2002. Luận văn này cũng sử dụng kết quả nghiên cứu tại hai tỉnh Quảng Trị và Thái Bõnh, gồm: 70 cuộc phỏng vấn sõu những nạn nhõn nhiễm chất độc màu da cam và thành viên trong gia đõnh họ; 10 phỏng vấn sõu cõc cõn bộ chõnh quyền cơ sở, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đõn Thanh niên, Hội Chũ thập đỏ và Trung tâm y tế. Số lượng phỏng vấn sõu được chia đều cho hai địa phương.

2. Luận văn cũng sử dụng một số tư liệu thống kê, báo cáo ở địa phương để nghiên cứu, kết hợp với phân tích các tài liệu sẵn có liên quan đến chủ đề nghiên cứu như: phân tích các bộ số liệu, tư liệu có liên quan đến các nạn nhõn chất độc màu da cam đó cụng bổ tõn cõc phương tiện thông tin đại chúng và các tài liệu, các báo cáo khoa học đó được công bố để có thể phân tích và đánh giá.

Giả thuyết nghiên cứu

- Các nạn nhõn chất độc màu da cam có một cuộc sống thiếu thõn cả về vật chất và tinh thần. Các nạn nhõn chất độc màu da cam có nhu cầu cải thiện điều kiện sống của họ (kinh tế,

khám chữa bệnh, chia sẻ tổn thương, tạo lập nghề nghiệp) song những điều này vượt quá khả năng của họ.

- Các nạn nhân chất độc màu da cam đang sống trong tâm trạng tiêu cực và mong muốn nhận được sự giúp đỡ, chia sẻ có hiệu quả của nhà nước và cộng đồng.

- Dự luận xã hội của nạn nhân chất độc màu da cam đó có tác động mạnh tới nhận thức và hiểu biết của mọi người dân trong xã hội Việt Nam và cộng đồng quốc tế về vấn đề chất độc màu da cam và nạn nhân chất độc màu da cam.

Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm 03 phần chính:

Phần 1: Mở đầu

Giới thiệu khái quát đề tài nghiên cứu

Phần 2: Nội dung

Nội dung của luận văn gồm các chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu

- 1.1. Cơ sở lý luận
- 1.2. Cốc khởi niệm
 - 1.2.1. Dự luận xã hội
 - 1.2.2. Khách thể và chủ thể của dự luận xã hội
 - 1.2.3. Chức năng của dự luận xã hội
 - 1.2.4. Truyền thưng
 - 1.2.5. Truyền thông đại chúng
- 1.3. Vài nét về địa điểm khảo sát
 - 1.3.1. Tỉnh Quảng Trị
 - 1.3.2. Tỉnh Thái Bõnh

Chương 2: Dự luận xã hội của nạn nhân chất độc màu da cam ở Thái Bõnh và Quảng Trị núi lờn điều gỡ?

- 1.1. Vài nét về nạn nhân chất độc màu da cam
- 1.2. Đời sống vật chất của nạn nhân chất độc màu da cam
- 1.3. Đời sống tinh thần của nạn nhân chất độc màu da cam
- 1.4. Tác động của hệ thống chính sách Nhà nước, của các tổ chức, đoàn thể xã hội đối với các nạn nhân chất độc màu da cam.
- 1.5. Truyền thông và các dự luận xã hội về chất độc màu da cam

Phần 3: Kết luận

Trên cơ sở nhận thức tởnh trạng của dự luận xã hội về chất độc màu da cam, luận văn rút ra các kết luận và khuyến nghị một số giải pháp nhằm cải thiện điều kiện sống của nạn nhân chất độc màu da cam.

Luận văn bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn Thạc sỹ Xã hội học tại Cơ sở đào tạo Sau đại học Viện Xã hội học, Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2007.